| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH HƯNG YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2352 /QĐ-UBND | *Hưng Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;*

*Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ về Phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;*

*Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 4/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);*

*Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên, phiên bản 2.0;*

*Căn cứ Văn bản số 2943/CĐSQG-CNCPS ngày 27/10/2025 của Cục Chuyển đổi số quốc gia về việc hướng dẫn xây dựng Đề cương Khung kiến trúc số cấp bộ, Khung kiến trúc số cấp tỉnh theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 111/TTr-SKHCN ngày 28/12/2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

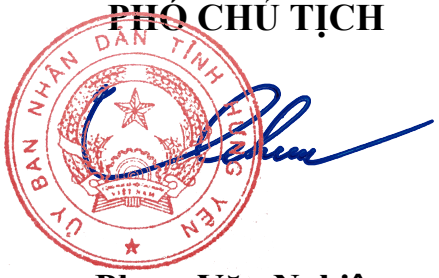
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên, với các nội dung chủ yếu nêu tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên, phiên bản 2.0.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CĐSQG; (Để b/c)
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TTHN tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

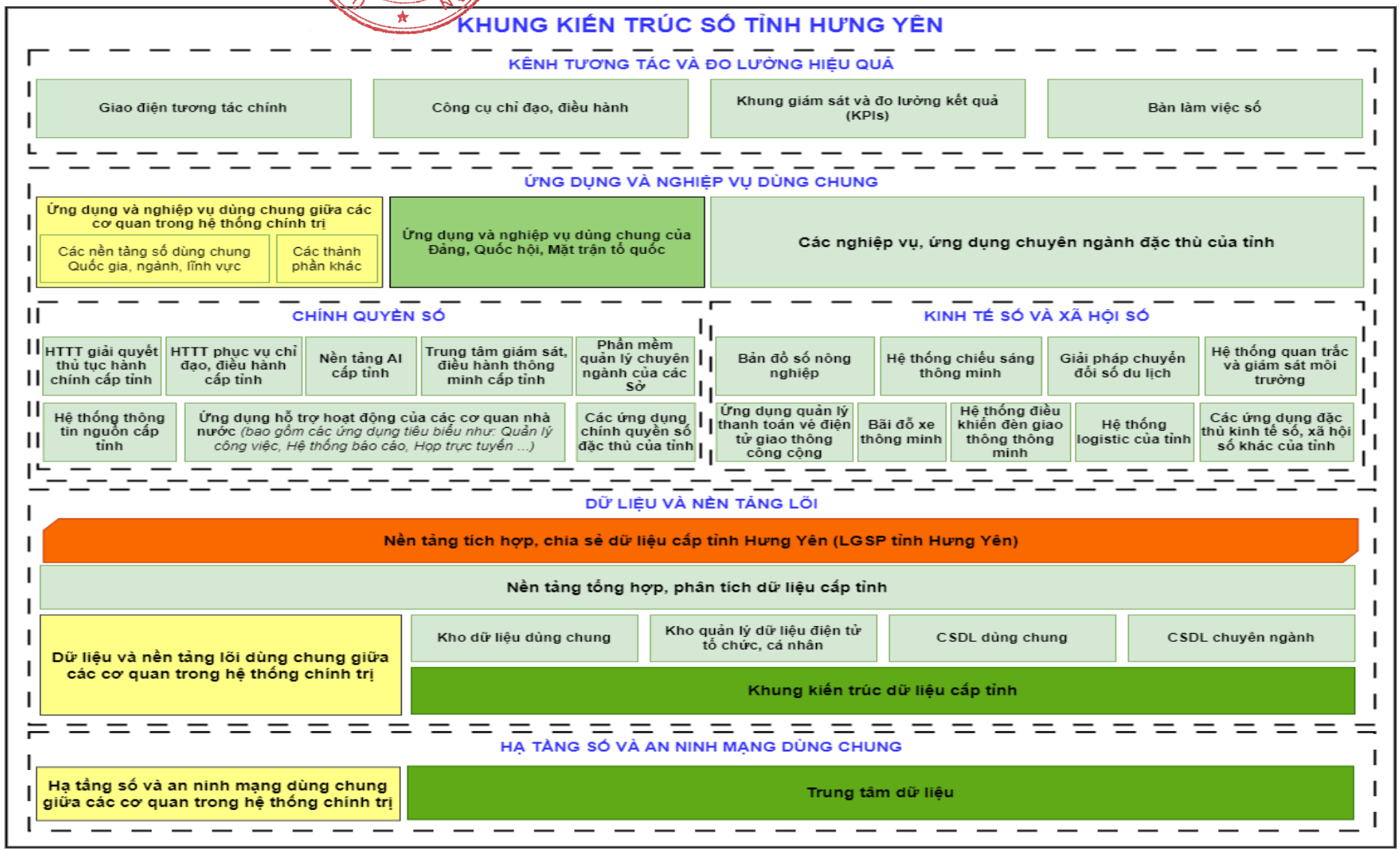
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Phạm Văn Nghiêm**

# PHỤ LỤC
# CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KHUNG KIẾN TRÚC SỐ TỈNH HƯNG YÊN
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)*

## 1. Sơ đồ khái quát Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên



Khung kiến trúc được cấu thành từ 04 lớp, trong mỗi lớp quy định thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị cụ thể gồm:

**I. Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung**

**1. Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị**

*(1) Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (Mạng TSLCD)*: việc tổ chức, quản lý, vận hành mạng truyền số liệu chuyên dùng được quy định tại Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

*(2) Mạng thông tin diện rộng của Đảng:* tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 337-QĐ/TW ngày 27/6/2025 của Ban chấp hành Trung ương về gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng internet và các văn bản khác có liên quan. Các kết nối và trao đổi thông tin yêu cầu độ mật, độ tin cậy cao nhất của các cơ quan trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc) phải sử dụng Mạng thông tin diện rộng của Đảng.

*(3) Trung tâm Dữ liệu Quốc gia và Nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia:* căn cứ quy định tại Điều 20, Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, trong đó nêu rõ: Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện toán đám mây và triển khai thành các vùng chức năng để phục vụ nhu cầu của cơ quan nhà nước bảo đảm việc phát triển các phân hệ tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu, yêu cầu cao về bảo mật thông tin; Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập hạ tầng tính toán hiệu suất cao và hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý với các mô hình phân tích dự báo phục vụ công tác khai thác từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

*(4) Nền tảng phòng vệ mạng quốc gia:* đây là nền tảng dùng chung trong kiến trúc tổng thể quốc gia số, bảo vệ an ninh mạng vòng ngoài cho các hệ thống trọng yếu. Hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng Nền tảng phòng vệ mạng quốc gia nhằm đảm bảo an ninh mạng và an toàn thông tin, góp phần bảo vệ chủ quyền số và đảm bảo vững chắc thành quả của quá trình chuyển đổi số quốc gia trước các mối đe dọa an ninh mạng ngày càng phức tạp.

*(5) Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:* tuân thủ các quy định tại Nghị định 68/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ và các văn bản khác có liên quan.

*(6) Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:* Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phục vụ kết nối dịch

vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số để bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ của thông điệp dữ liệu (Thông tư 15/2025/TT-BKHCN quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng).

*(7) Các kết nối đặc thù cho vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện địa lý đặc biệt:* Sử dụng các công nghệ kết nối phù hợp (Internet vệ tinh, di động 4G/5G,...) để đảm bảo kết nối ổn định.

*(8) Hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu đầu cuối*: Do chủ quản hệ thống thông tin đầu cuối chịu trách nhiệm triển khai.

*(9) Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật từ Trung ương đến cấp xã và liên thông với các cơ quan khối chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.*

**2. Hạ tầng số và an ninh mạng giữa các cơ quan trong tỉnh**

**(1) Trung tâm dữ liệu:** Là các TTDL của tỉnh Hưng Yên (gồm TTDL của tỉnh Hưng Yên cũ và TTDL của tỉnh Thái Bình cũ). Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị CNTT cung cấp năng lực xử lý phục vụ các phần mềm ứng dụng CNTT của tỉnh Hưng Yên. Khối này bao gồm các hệ thống hạ tầng chính như: Hệ thống quản trị tập trung trang thiết bị, Hệ thống trang thiết bị mạng, Các hệ thống bảo mật an toàn thông tin toàn diện (tuân theo chiến lược bảo mật đa lớp), các hệ thống máy chủ và lưu trữ, các hệ thống phục vụ công tác chăm sóc khách hàng (hệ thống Call Center, hệ thống hỗ trợ trực tuyến...).

*Lưu ý: sử dụng Trung tâm dữ liệu hiện có, trong đó tập trung vào các giải pháp xây dựng và hợp nhất hạ tầng thông tin, hạ tầng số tại địa phương tại Công văn số 5199/BKHCN-CĐSQG ngày 30/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

**(2) Hạ tầng mạng kết nối:** Bao gồm: Mạng truyền số liệu chuyên dùng (MTSLCD); Mạng diện rộng (WAN); Mạng cục bộ (LAN); Mạng riêng ảo (VPN); Mạng kết nối Internet. Về cơ bản, hệ thống mạng tỉnh Hưng Yên được xây dựng trên nền dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ. Trang thiết bị triển khai tại các node mạng cơ bản đủ điều kiện để vận hành tổng thể hệ thống mạng thông tin của tỉnh, bảo đảm được sự độc lập tương đối của các phân hệ mạng thành phần, tiết kiệm chi phí đầu tư và vận hành. Hệ thống mạng triển khai trên nền công nghệ MPLS VPN hoàn toàn thực hiện được việc phân chia thành các phân hệ thành phần trên cùng một mạng vật lý duy nhất. Công nghệ xuyên suốt hệ thống là công nghệ MPLS VPN bảo đảm được sự mềm dẻo và linh hoạt trong quản lý và vận hành hệ thống.

**(3) Hạ tầng máy trạm và thiết bị ngoại vi:** Tập hợp máy tính, trang thiết bị điện tử, công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu thu thập, xử lý, cung cấp thông tin, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, chủ yếu là các trang thiết bị cho người dùng cuối, thiết bị đầu cuối.

**(4) Hạ tầng An ninh mạng:** Là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của Chính quyền số cần được triển khai đồng bộ ở các cấp. Nội dung đảm bảo an toàn thông tin bao gồm các nội dung chính như: bảo vệ an toàn thiết bị, an toàn mạng, an toàn hệ thống, an toàn ứng dụng CNTT, an toàn dữ liệu, quản lý và giám sát. Các nội dung này cần được triển khai đồng bộ tại các cấp đáp ứng nhu cầu thực tế và xu thế phát triển công nghệ. Việc triển khai chữ ký số trong hệ thống chính trị phục vụ công tác an toàn, an ninh thông tin do Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì tổ chức thực hiện.

**(5) Trung tâm Điều hành và Giám sát an ninh mạng (SOC)**: Cung cấp hạ tầng điều hành và giám sát các hoạt động của hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Hưng Yên.

**(6) Dịch vụ cơ sở hạ tầng:** Tập hợp các dịch vụ về cơ sở hạ tầng, như: dịch vụ chữ ký số, thư điện tử, dịch vụ xác thực, dịch vụ cung cấp hạ tầng ảo hóa… Có vai trò cung cấp các hệ thống thông tin hoặc công cụ xử lý, trao đổi, chia sẻ thông tin dùng chung trong toàn hệ thống, được cung cấp từ các khối Hạ tầng kỹ thuật,

**(7) Quản lý cơ sở hạ tầng:** Tập hợp quy trình, giải pháp kỹ thuật nhằm quản lý dịch vụ, trang thiết bị vận hành ổn định, tối ưu, bảo mật, nâng cao tính sẵn sàng, đảm bảo hiệu quả của toàn bộ hệ thống. Thành phần này giúp cho các dịch vụ hoạt động trơn tru, hiệu quả và cũng giúp tăng tính sẵn sàng của toàn bộ hệ thống, hỗ trợ nhiều cơ chế, hình thức quản trị tập trung hạ tầng CNTT.

## II. Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi

Đây là lớp trung tâm, có vai trò quan trọng của Mô hình, nơi dữ liệu được tạo ra, lưu trữ, chia sẻ và xử lý thành tri thức. Dữ liệu trong các CSDL phải được chuẩn hóa, bảo đảm nguyên tắc *"đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"*, bao gồm:

### 1. Dữ liệu và nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

(1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP); Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP): Là nền tảng trung gian, đóng vai trò quan trọng cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL của các cơ quan nhà nước, bảo đảm dữ liệu được chia sẻ thông suốt, an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật.

(2) Nền tảng trao đổi giao diện lập trình ứng dụng quốc gia (V-APEX): Là nền tảng trung tâm phục vụ kết nối, công bố, quản lý và chia sẻ API của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Nền tảng bảo đảm dữ liệu và dịch vụ số của Chính phủ được cung cấp an toàn, chuẩn hóa, có khả năng tích hợp và khai thác bởi khu vực tư nhân và cộng đồng. V-APEX hình thành hệ sinh thái API quốc gia, thúc đẩy phát triển Chính phủ số, đồng thời tạo động lực cho kinh tế số và xã hội số. Mọi hệ thống thông tin cấp bộ, cấp tỉnh, cấp xã khi triển khai phải đăng ký, công bố và tuân thủ chuẩn API quốc gia thông qua V-APEX, bảo đảm liên thông, kết nối thống nhất trên toàn quốc.

(3) Nền tảng định danh và xác thực điện tử: Là nền tảng cung cấp danh tính số duy nhất cho công dân, doanh nghiệp và các chủ thể khác, cho phép xác thực và truy cập vào các dịch vụ số của hệ thống chính trị một cách an toàn, tin cậy.

(4) Bản đồ số quốc gia và hệ thống mã bưu chính, đảm bảo định vị chính xác các đối tượng quản lý.

(5) Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI): Được xác định là trung tâm của quốc gia số. Để đảm bảo tính khả thi, nền tảng này không phải là một ứng dụng AI duy nhất, mà là một hạ tầng dịch vụ (Platform-as-a-Service) cung cấp các tài nguyên dùng chung như: năng lực tính toán hiệu năng cao, các mô hình nền tảng (foundation models) đã được huấn luyện sẵn và các dịch vụ AI lõi (thông qua giao diện lập trình ứng dụng - API) cho toàn bộ hệ thống (như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, bao gồm cả các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, nhận dạng hình ảnh, phân tích dự báo, trợ lý ảo, ...), giúp các bộ, ngành, địa phương có thể khai thác năng lực AI, không cần đầu tư riêng lẻ, tốn kém.

(6) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì, là thành phần cốt lõi để phân tích, cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành vĩ mô.

(7) Các CSDL quốc gia, chuyên ngành: Bao gồm các CSDL quốc gia (Dân cư, Đất đai, Doanh nghiệp, Cán bộ công chức viên chức trong các cơ quan nhà nước...) và các CSDL chuyên ngành do các Bộ, ngành chủ quản xây dựng, bao gồm cả các CSDL đặc thù (dữ liệu về đồng bào dân tộc thiểu số, quản lý biên giới, ...), là nguồn cung cấp dữ liệu gốc, cốt lõi cho mọi hoạt động của Chính phủ số.

(8) Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia áp dụng thống nhất trong hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương và đảm bảo tính liên thông quốc tế.

**2. Dữ liệu và nền tảng lõi giữa các cơ quan trong tỉnh**

(1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): Là hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông

tin, cơ sở dữ liệu trong cùng cơ quan cấp tỉnh. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối ra bên ngoài

(2) Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh: Nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

(3) Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh: là hệ thống thu thập, hợp nhất dữ liệu từ nhiều nguồn dữ liệu với các định dạng dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xử lý, phân tích, khai phá dữ liệu, trình diễn, trực quan hóa dữ liệu, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan nhà nước khác khai thác, sử dụng.

(4) Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân: Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân: là không gian điện tử riêng của tổ chức, cá nhân tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh để hỗ trợ quản lý, lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử liên quan đến giao dịch hành chính của tổ chức, cá nhân đó.

(5) Các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành, …

(6) Khung kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh: Thực hiện xây dựng theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 4/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0).

**III. Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung**

**<u>Về Chính quyền số:</u>**

**1. Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị**

- Cổng Dịch vụ công Quốc gia: Là cổng tích hợp thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tất cả các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở kết nối, truy xuất dữ liệu từ các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; tích hợp, cung cấp các dịch vụ trực tuyến khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng, định hướng theo mô hình "một cửa số" sử dụng dữ liệu trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính, từ đó cắt giảm thành phần hồ sơ, người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu đã có dữ liệu, hướng tới cắt giảm chi phí đi lại, thực hiện thủ tục hành chính, cán bộ công chức tiếp nhận hồ sơ không phải kiểm tra đối soát thủ công mà có thể thực hiện trực tiếp trên hệ thống.

- Cổng dữ liệu quốc gia: Là đầu mối để các cơ quan nhà nước công bố thông

tin về các loại dữ liệu đang quản lý; công bố, cung cấp dữ liệu mở nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Chính phủ và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội; để tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục tiêu vì lợi ích chung, cải thiện việc cung cấp dịch vụ công, hoạch định chính sách công hoặc mục đích nghiên cứu khoa học vì lợi ích chung; phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập, tìm kiếm, khám phá và sử dụng dữ liệu mở.

- Trục Liên thông văn bản quốc gia: Là giải pháp kỹ thuật, công nghệ được triển khai từ Văn phòng Chính phủ tới các bộ, ngành, địa phương để kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử.

- Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Là hệ thống dựa trên số liệu thu thập từ các bộ, ngành, địa phương cung cấp thông tin, hỗ trợ đắc lực cho quá trình chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (bao gồm Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương): Là hệ thống được xây dựng hướng tới mục tiêu: Đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; Giảm gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tiết kiệm thời gian, nhân lực thực hiện; Hệ thống báo cáo phải đồng bộ, thống nhất, bảo đảm cung cấp và truyền dẫn thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, an toàn, phục vụ thiết thực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; đồng thời, giảm tải gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất: Là hệ thống thông tin dùng chung, cho phép cơ quan, đơn vị, cá nhân trong hệ thống chính trị gửi, nhận thông tin dưới dạng thư điện tử thông qua môi trường mạng. Hệ thống này được triển khai dùng chung từ Trung ương đến cấp xã.

- Hệ thống thư điện tử phục vụ tiếp nhận thông báo do cơ quan nhà nước gửi đến: Là hệ thống được triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia với mục tiêu phục vụ các cơ quan, bộ, ngành, địa phương và công dân Việt Nam sử dụng trong giao dịch, giao tiếp nhằm tăng cường tính hiệu quả trong công việc hành chính, bảo vệ dữ liệu và thông tin quan trọng, đồng thời đáp ứng nhu cầu về sự minh bạch, tiện lợi trong giao tiếp với công dân.

- Nền tảng họp trực tuyến quốc gia: Là hệ thống thông tin cho phép thực hiện hình thức họp trực tuyến bằng phần mềm hoặc website thông qua mạng truyền số

liệu chuyên dùng, mạng nội bộ (mạng WAN) hoặc mạng internet để những người ở vị trí địa lý khác nhau có thể cùng tham gia cuộc họp từ xa, mà ở đó họ có thể nghe, nói, nhìn thấy nhau như đang ở chung một phòng họp. Nền tảng HTT bao gồm: Phần mềm HTT xử lý kết nối đa điểm; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật họp trực tuyến (máy chủ, kết nối mạng, cloud, lưu trữ, tường lửa, ...).

- Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia: Là nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý thống nhất đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

- Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia do Bộ Công an quản lý, thực hiện giám sát an ninh mạng tập trung, phát hiện và điều phối ứng phó sự cố.

- Nền tảng Bình dân học vụ số: Là nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng.

- Các nền tảng, ứng dụng chuyên ngành đặc thù phục vụ công tác tuyên giáo, dân vận, quản lý biên giới, cảnh báo thiên tai và các nhiệm vụ khác của các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.

- Các ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc.

**2. Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong tỉnh**

- Các nghiệp vụ, ứng dụng chuyên ngành của tỉnh

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh: Là hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cùng cơ quan cấp tỉnh. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối ra bên ngoài.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh: là hệ thống thông tin được phát triển để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

*Ghi chú: HTTT giải quyết TTHC cấp tỉnh (hiện có) tiếp tục duy trì, là nơi nhận đồng bộ dữ liệu giải quyết TTHC để địa phương tra cứu, khai thác cho các nhu cầu quản lý tại địa phương, không thực hiện giải quyết TTHC trên các hệ thống đó. Giai đoạn sau, sẽ thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về Kiến trúc hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh.*

- Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp tỉnh: là hệ thống thông tin được phát triển để phục vụ quá trình chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh.

- Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu: Nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh: Cho phép tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu của địa phương trên tất cả các lĩnh vực, cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực đối với các đối tượng liên quan, qua đó, giúp người ra quyết định các cấp có khả năng giám sát, điều hành, phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định.

- Phần mềm quản lý chuyên ngành của các Sở.

Đối với các phần mềm, hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành của các Sở, trước khi tỉnh có nhu cầu xây dựng, triển khai, phải có văn bản xin ý kiến thống nhất của Bộ, ngành quản lý chuyên ngành. Việc này nhằm bảo đảm tính pháp lý, thống nhất, tránh trùng lặp chức năng với hệ thống của Bộ, ngành, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh: Là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh còn có chức năng thu thập tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

- Nền tảng AI cấp tỉnh: Là hạ tầng và dịch vụ AI dùng chung trong phạm vi tỉnh, cung cấp năng lực tính toán, mô hình và công cụ phát triển ứng dụng để phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và dịch vụ công. Nền tảng này gồm các dịch vụ AI lõi (xử lý tiếng Việt và ngôn ngữ dân tộc, thị giác máy tính, phân tích dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý đô thị – môi trường), kho mô hình và API mở để phát triển ứng dụng AI địa phương, tích hợp trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp và các ứng dụng AI chuyên ngành. Việc vận hành phải tuân thủ nguyên tắc AI có trách nhiệm, bảo đảm minh bạch, an toàn, đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP cấp tỉnh, tích hợp vào NDXP, NDOP và đồng bộ với Nền tảng AI quốc gia.

- Ứng dụng hỗ trợ hoạt động của các cơ quan nhà nước (bao gồm các ứng dụng tiêu biểu như: Quản lý công việc, Hệ thống báo cáo, Họp trực tuyến…).

**<u>Về Kinh tế số và Xã hội số:</u>**

Xây dựng, phát triển các ứng dụng trên một số lĩnh vực ưu tiên gồm:

- Bản đồ số nông nghiệp: Hệ thống công nghệ hiện đại hỗ trợ số hóa vùng trồng, giúp quản lý thông tin cây trồng và đất đai hiệu quả. Tính năng truy xuất

nguồn gốc đảm bảo minh bạch, tăng niềm tin thị trường. Cảnh báo thời tiết kịp thời giúp nông dân ứng phó khí hậu, giảm rủi ro. Tích hợp hệ thống quan trắc môi trường cung cấp dữ liệu đất, nước, không khí, hỗ trợ quyết định canh tác chính xác, nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Hệ thống chiếu sáng thông minh: Hệ thống chiếu sáng công cộng tại các khu vực đô thị bằng các thiết bị chiếu sáng thông minh, tiết kiệm điện, tích hợp cảm biến ánh sáng và chuyển động để tự động điều chỉnh độ sáng theo nhu cầu thực tế, hỗ trợ điều khiển tự động hoặc từ xa, từ đó giúp nâng cao chất lượng chiếu sáng và giảm thiểu tiêu hao, sử dụng năng lượng.

- Giải pháp chuyển đổi số du lịch: Áp dụng các công nghệ tiên tiến như số hóa 3D, VR 360, AI, ...bao gồm: Hỗ trợ du khách trong và ngoài nước toàn diện 24/7 và cung cấp thông tin theo thời gian thực; Hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa nền tảng và nội dung đa phương tiện; Trải nghiệm du lịch ảo và thực tế tăng cường; Đặt lịch thông minh, tích hợp bản đồ và định vị thông minh; Tích hợp dữ liệu và phân tích; Tích hợp sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương; Kết nối cộng đồng và chia sẻ trải nghiệm; Tạo trải nghiệm ảo (VR/AR), thuyết minh tự động và cá nhân hóa thông tin, từ đó nâng cao trải nghiệm, giáo dục và bảo tồn di sản.

- Hệ thống quan trắc và giám sát môi trường: Giải pháp công nghệ kết hợp quan trắc và giám sát môi trường trong một nền tảng thống nhất nhằm thu thập dữ liệu liên tục về các thông số môi trường, quản lý tập trung dữ liệu, có thể phân tích và đưa ra cảnh báo tự động khi phát hiện các biến động, rủi ro môi trường.

- Ứng dụng quản lý thanh toán vé điện tử giao thông công cộng: Quản lý tập trung thanh toán vé điện tử của các phương tiện vận tải hành khách, xe điện tại các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Bãi đỗ xe thông minh: Cho phép người dùng xem thông tin bãi đỗ, đặt chỗ trước và thanh toán trực tuyến, tăng tiện lợi và giảm thời gian tìm kiếm chỗ đỗ; là giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa quản lý bãi đỗ xe, giảm ùn tắc giao thông, tiết kiệm thời gian cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế số tại địa phương.

- Hệ thống điều khiển đèn giao thông thông minh: Quản lý, điều khiển tập trung các hệ thống đèn giao thông thông minh được triển khai tại các giao lộ lớn của các đô thị tại địa phương.

- Hệ thống logistic của tỉnh: Điều hành hoạt động các doanh nghiệp logistic trong tỉnh bao gồm các đơn vị vận tải, các đơn vị dịch vụ logistic, kho bãi; Tổng hợp dữ liệu giúp hoạch định nguồn lực tối ưu của tỉnh; tích hợp chặt chẽ với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến các doanh nghiệp logistic.

Khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số cần phải bảo đảm không trùng lặp với các hệ thống dùng chung đã được cơ quan khác chủ trì xây dựng, ban hành và vận hành; ưu tiên sử dụng, tích hợp và mở rộng trên cơ sở các hệ thống hiện có để tiết kiệm nguồn lực, bảo đảm tính thống nhất và khả năng liên thông trên phạm vi toàn quốc.

**IV. Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả**

**1. Kênh tương tác và đo lường hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị**

- Triển khai, sử dụng Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dành cho giao diện web) và Ứng dụng VNeID (dành cho di động) là hai kênh giao tiếp chính giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị với người dân, doanh nghiệp, tổ chức.

- Triển khai, sử dụng các công cụ chỉ đạo, điều hành giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị: các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương. Các dashboard này trực quan hóa dữ liệu từ Nền tảng AI quốc gia, cung cấp cho lãnh đạo cái nhìn toàn cảnh, thời gian thực về tình hình, làm cơ sở cho việc ra quyết định.

- Triển khai, sử dụng Khung giám sát và đo lường kết quả (KPIs): bao gồm các chỉ số đo lường hiệu suất, hiệu quả. Khung KPIs này phải gắn trực tiếp với các mục tiêu tại Nguyên tắc 1 (Quản trị dựa trên kết quả). Các chỉ số phải được đo lường tự động từ dữ liệu thời gian thực của hệ thống.

Khung KPI là công cụ giám sát bắt buộc, áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Tất cả dự án, nền tảng, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Khung phải cung cấp dữ liệu vận hành và báo cáo KPI định kỳ hoặc thời gian thực theo chuẩn chung. Các chỉ số KPI tập trung vào các nhóm chính gồm: Tuân thủ kiến trúc; Liên thông và tích hợp; Quản trị và vận hành; Kỹ thuật và an toàn; Kết quả triển khai. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành chi tiết Bộ chỉ số KPI, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và trách nhiệm thực hiện.

**2. Kênh tương tác và đo lường hiệu quả giữa các cơ quan trong tỉnh**

Đây là lớp giao diện, nơi người dùng (cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp) tương tác với hệ thống trong toàn tỉnh, bao gồm:

- Xây dựng, triển khai các kênh tương tác chính cấp tỉnh, gồm: Cổng/Trang thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phải tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về giao diện người dùng, hỗ trợ đa ngôn ngữ (bao gồm tiếng dân tộc), đa nền tảng (web, mobile) và đảm bảo khả năng tiếp cận cho nhóm yếu thế và tuân thủ các quy định bảo mật về phiên làm việc, xác thực định danh và lưu vết truy cập.

*(Nội dung chi tiết Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên kèm theo Tờ trình số*

*.../TTr-SKHCN ngày .../..../2025 của Sở Khoa học và Công nghệ).*

## 2. Tổ chức thực hiện

### 2.1 Danh sách các nhiệm vụ và lộ trình triển khai

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian | Ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Nhiệm vụ về cơ chế, chính sách** | | | | |
| 1. | Xây dựng quy hoạch và chiến lược dữ liệu từng ngành qua đó xây dựng quy hoạch dữ liệu toàn tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2027 | Ưu tiên thực hiện |
| 2. | Xây dựng quy định kết nối liên thông và thu thập dữ liệu của các HTTT trên địa bàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Xây dựng và ban hành các quy định, Quy chế khai thác và sử dụng dữ liệu trên toàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 4. | Xây dựng quy chế quản lý các nền tảng ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành | Cơ quan/đơn vị được giao giúp việc theo dõi nhiệm vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 5. | Xây dựng chính sách khuyến khích nhân lực CNTT, chuyển đổi số thông qua thu hút và giữ chân nhân tài trong lĩnh vực CNTT, đặc biệt trong cơ quan nhà nước | Sở Nội vụ | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 6. | Xây dựng chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thông qua hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng DVCTT, đặc biệt trong việc đào tạo kỹ năng số | Cơ quan/đơn vị được giao giúp việc tham mưu triển khai theo dõi hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 7. | Cập nhật ban hành quy chế, quy định sử dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước tại tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **II** | **Kênh giao tiếp** | | | | |
| 1. | Duy trì, nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh đáp ứng Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 Quy | Văn phòng UBDN tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian | Ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|
| | định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. | | | | |
| 2. | Duy trì tích hợp các Cổng thông tin điện tử và các ứng dụng với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh và Hệ thống giám sát đo lường mức độ cung cấp và sử dụng chính phủ số (EMC) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Duy trì phát triển Cổng dữ liệu mở cung cấp dữ liệu mở qua APIs và các giao diện khác | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ phát triển ứng dụng** | | | | |
| 1. | Xây dựng nền tảng/hệ thống quản lý tích hợp ứng dụng từng ngành, từng xã | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2027 | Ưu tiên thực hiện |
| 2. | Thí điểm triển khai Trợ lý ảo hỗ trợ CBCC viên chức của tỉnh, từng bước nhân rộng ứng dụng nếu hiệu quả | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2025-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Xây dựng các Ứng dụng tổng hợp, phân tích, khai phá dữ liệu, báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp dùng chung toàn tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ, Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 4. | Triển khai, duy trì, nâng cấp các HTTT, ứng dụng phục vụ công tác quản lý chuyên ngành tại đơn vị | Các sở, ban, ngành | | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 5. | Triển khai, duy trì HTTT Thanh tra, giám sát, xử lý khiếu nại tố cáo. | Thanh tra tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 6. | Khai thác sử dụng các Nền tảng số, ứng dụng triển khai từ trung ương đến địa phương căn cứ Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 Về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Bộ, ngành cung cấp | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 7. | Phối hợp triển khai, duy trì các nền tảng thanh toán trực tuyến | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian | Ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|
| 8. | Tiếp tục duy trì, nâng cấp, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Hưng Yên:<br>- Đầu tư phần cứng (hoặc nâng cấp cấu hình) để bảo đảm hiệu năng và an toàn bảo mật.<br>- Kết nối với NDXP, các hệ thống nghiệp vụ của các bộ, ngành; kết nối với các hệ thống nội bộ trên địa bàn tỉnh. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các Bộ, ngành liên quan | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 9. | Duy trì Hệ thống họp không giấy tờ | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 10. | Duy trì HTTT báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống báo cáo của Chính phủ | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **IV** | **Nhóm nhiệm vụ phát triển Dữ liệu** | | | | |
| 1. | Xây dựng hệ thống quản lý và đăng ký ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành liên quan | 2026-2027 | Ưu tiên thực hiện |
| 2. | Xây dựng hệ thống quản lý từ điển dữ liệu | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành liên quan | 2026-2027 | Ưu tiên thực hiện |
| 3. | Xây dựng, triển khai và duy trì Kho dữ liệu dùng chung thu thập dữ liệu từ tất cả các nguồn trong tỉnh gồm cả dữ liệu có cấu trúc, phi cấu trúc, bán cấu trúc. Ứng dụng các giải pháp dữ liệu lớn và duy trì Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh duy trì tích hợp với các CSDL quốc gia<br>- Duy trì phần mềm Kho dữ liệu; phần mềm phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định.<br>- Tiếp tục triển khai các Kho dữ liệu dùng chung, Kho dữ liệu mở chia sẻ cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.<br>- Tiếp tục Kết nối, thu thập CSDL: dân cư, doanh nghiệp, đất đai, tài chính, bảo hiểm, thống kê … và các CSDL nghiệp vụ chuyên ngành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành liên quan | 2026-2027 | Ưu tiên thực hiện |
| 4. | Tiếp tục triển khai cập nhật CSDLQG có phân hệ tại địa | Các sở, ban, ngành liên | Bộ, ngành chủ quản | 2026-2027 | Theo kế hoạch |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian | Ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|
| | phương theo hướng dẫn của Bộ ngành chủ quản CSDLQG:<br>- CSDLQG về Dân cư<br>- CSDLQG về Đất đai<br>- CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp<br>- CSDLQG về tài chính<br>- CSDLQG về Bảo hiểm<br>- CSDLQG về Cán bộ Công chức, viên chức<br>- CSDLQG về TTHC<br>- CSDL Tổng hợp quốc gia<br>- CSDLQG về hoạt động xây dựng<br>- CSDLQG về xuất nhập cảnh<br>- CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập<br>- CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính<br>- CSDL quốc gia về an sinh xã hội | quan | | | CNTT hàng năm |
| 5. | Triển khai tạo lập xây dựng các CSDL chuyên ngành và các ứng dụng chuyên ngành. | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **V** | **Nhóm Nhiệm vụ phát triển Hạ tầng CNTT** | | | | |
| 1. | Tiếp tục duy trì, nâng cấp đảm bảo Trung tâm Dữ liệu của tỉnh hướng tới đạt chuẩn Tier 3 | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 2. | Duy trì vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hưng Yên | Văn phòng UBND tỉnh | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Duy trì, đầu tư, nâng cấp, phát triển các HTTT quản lý và tạo lập CSDL chuyên ngành. | Các sở, ban, ngành | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 4. | Bảo đảm hạ tầng, nâng cấp hệ thống mạng máy tính nội bộ và bổ sung thiết bị CNTT cho các sở, ban, ngành, địa phương:<br>- Triển khai chuyển đổi sang IPv6.<br>- Quy hoạch tổng thể phân các vùng mạng, lưu trữ, dự phòng.<br>- Mua sắm, bổ sung phần cứng;<br>- Nâng cấp, hoàn thiện mạng LAN. | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian | Ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|
| | - Nâng cấp các phòng đào tạo công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, cho ngành giáo dục và đào tạo. | | | | |
| 5. | Tiếp tục đầu tư thiết bị, nâng cấp hệ thống đáp ứng chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6, tương thích giao thức địa chỉ Internet thế hệ mới (IPv6). | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **VI** | **Nhóm nhiệm vụ về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng** | | | | |
| 1. | Tiếp tục duy trì, phát triển Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng thông (SOC) | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 2. | Rà soát phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và phương án đảm bảo an toàn thông tin cho HTTT của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt của các HTTT đang vận hành | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Tiếp tục triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các HTTT của cơ quan nhà nước. | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026-2027 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| **VII** | **Các nhiệm vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh khác** | | | | |
| 1. | Tiếp tục Phát triển dịch vụ đô thị thông minh, thực hiện chuyển đổi số tại các ngành, các địa phương. | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 2. | Các nhiệm vụ thường xuyên, hàng năm: Tuyên truyền triển khai DVCTT; chính quyền điện tử; chính quyền số; chuyển đổi số, đảm bảo ATTT; đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn; tạo lập dữ liệu;… | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |
| 3. | Các nhiệm vụ khác về chuyển đổi số | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Khoa học và Công nghệ | 2026-2030 | Theo kế hoạch CNTT hàng năm |

### 2.2 Trách nhiệm của các đơn vị

#### a) UBND tỉnh Hưng Yên

UBND tỉnh Hưng Yên thống nhất chỉ đạo tất cả các đơn vị của tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể CNTT và phê duyệt Khung kiến trúc số của

tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh có các trách nhiệm sau:

- Xem xét, quyết định về cơ chế phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành và các bên có liên quan để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bên, tránh tình trạng chồng chéo hoặc không rõ ràng về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị;

- Quản lý tình hình triển khai, xem xét và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Khung kiến trúc qua sự phối hợp với các Sở, Ban, ngành;

- Chủ trì định kỳ hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật Khung kiến trúc để đảm bảo bám sát theo nhu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh; tình hình triển khai các công việc, dự án cụ thể; các chỉ đạo, định hướng mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ cũng như các tiêu chuẩn, bài học kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế. Các nội dung chính cần rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm bao gồm: danh mục các dự án, mức độ ưu tiên của các dự án, lộ trình thực hiện dự án, kế hoạch triển khai cụ thể…

- Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện bộ tiêu chí đo lường, đánh giá hiệu quả triển khai Khung kiến trúc và các kết quả, hiệu quả đạt được trên thực tế (chu kỳ đánh giá theo hàng năm).

**b) Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên**

- Thực hiện nhiệm vụ tham vấn, kiểm tra, đánh giá và kịp thời tư vấn cho UBND tỉnh trong việc xem xét, phê duyệt triển khai các dự án ứng dụng CNTT tuân thủ theo Khung kiến trúc, đặc biệt là các dự án dùng chung của tỉnh;

**c) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên**

Chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên với các trách nhiệm cụ thể sau:

- Là cơ quan thường trực giúp việc cho UBND tỉnh trong việc theo dõi, giám sát quá trình triển khai Khung kiến trúc số của tỉnh; phối hợp với các Sở, Ban, ngành xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết cho các dự án theo từng lĩnh vực;

- Chủ trì đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển hạ tầng CNTT phục vụ triển khai Khung kiến trúc để trình Tỉnh ủy, UBND xem xét, quyết định;

- Quản lý hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh và bảo đảm cơ sở hạ tầng CNTT để triển khai các thành phần của Khung kiến trúc;

- Chủ trì, xây dựng ban hành các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn về việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật triển khai Khung kiến trúc;

- Chủ trì duy trì, phát triển nền tảng chia sẻ, tích hợp CQS và triển khai tích hợp dịch vụ, ứng dụng đối với các hệ thống thông tin trong tỉnh, đảm bảo khả

năng kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu, dùng chung hạ tầng;

- Chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, lộ trình/kế hoạch triển khai Khung kiến trúc và phối hợp với các Sở, Ban, ngành để tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền. Đồng thời, đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết thúc đẩy kết quả, tiến độ, chất lượng triển khai Khung kiến trúc;

- Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai trên địa bàn các nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ, đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ cho cán bộ công chức, công dân phục vụ vận hành, khai thác các hệ thống của Khung kiến trúc;

- Chủ trì, đầu mối phối hợp với Sở, Ban, ngành để tổ chức triển khai áp dụng Khung kiến trúc của tỉnh trong việc tổ chức triển khai các dự án đầu tư ứng dụng CNTT cũng như các hoạt động CQS của tỉnh; tuyên truyền, phổ biến Khung kiến trúc;

- Phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trong tỉnh trong việc đảm bảo thiết kế kỹ thuật của các hệ thống thông tin của các đơn vị đáp ứng các yêu cầu của Khung kiến trúc; kiểm tra và giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc;

- Chủ trì theo dõi, giám sát tình hình thực hiện nội dung của Khung kiến trúc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu) và tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Khung kiến trúc số của tỉnh để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện;

- Duy trì, cập nhật, nâng cấp Khung kiến trúc khi có sự thay đổi về chính sách, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về Khung kiến trúc số của Trung ương hoặc các phát sinh các yêu cầu mới về nghiệp vụ, các thay đổi về công nghệ…

- Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình thực hiện Khung kiến trúc.

**d) Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp Sở Khoa  học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh về việc cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn để thực hiện Khung kiến trúc số;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan nghiên

cứu đề xuất cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNTT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Chủ trì, đề xuất các biện pháp thu hút, kêu gọi các nguồn vốn ngoài ngân sách như vốn vay ưu đãi từ các tổ chức tài trợ nước ngoài, vốn ODA cũng như đưa ra một số mô hình hợp tác công tư (PPP) để kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp cùng tham gia thực hiện các chương trình, dự án triển khai Khung kiến trúc số.

- Chủ trì, đề xuất các biện pháp thu hút, kêu gọi các nguồn vốn ngoài ngân sách như vốn vay ưu đãi từ các tổ chức tài trợ nước ngoài, vốn ODA cũng như đưa ra một số mô hình hợp tác công tư (PPP) để kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp cùng tham gia thực hiện các chương trình, dự án triển khai Khung kiến trúc số

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh về việc quyết định cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc số của tỉnh được phê duyệt.

**e) Các Sở, ban, ngành khác và các đơn vị cấp xã**

- Các Sở, ban, ngành khác và các đơn vị cấp xã có trách nhiệm chủ trì/phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng cơ quan liên quan triển khai các dự án thuộc phạm vi phân công căn cứ trên nội dung Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên, đồng thời, phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên quan đến nhiều Sở, ban, ngành và các dự án dùng chung của toàn tỉnh, đặc biệt là các dự án cung cấp DVCTT toàn trình cho công dân, doanh nghiệp có liên thông quy trình;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm cho các công việc, dự án được giao, xác định quy mô, phạm vi, nhu cầu nguồn lực, giải pháp công nghệ, các bước thực hiện cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát, đánh giá toàn bộ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật CNTT cùng các yêu cầu, nhu cầu đầu tư ứng dụng CNTT để phục vụ triển khai các chương trình/dự án đề xuất trong Khung kiến trúc số của tỉnh;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ rà soát nguồn nhân lực CNTT hiện có để đề xuất kế hoạch, phương án bổ sung, phát triển nguồn nhân lực CNTT đảm bảo đáp ứng cả về chất lượng, số lượng phục vụ tham gia triển khai Khung kiến trúc số tỉnh;

- Nghiên cứu các nguyên tắc định hướng áp dụng vào các hoạt động, dự án, đề xuất của đơn vị liên quan đến việc xây dựng CQS, trong đó, đặc biệt quan tâm xây dựng lộ trình cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đảm bảo các lợi ích đến được với mọi tầng lớp nhân dân;

- Tổ chức triển khai dự án trên cơ sở các quy định và hướng dẫn của UBND

tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ, đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc số tỉnh, chịu trách nhiệm thực hiện các dự án được phân giao và định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện;

- Chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành những cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên;

- Thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, hiệu quả, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, nhất là các vấn đề liên quan đến nâng cao chất lượng phục vụ công dân, doanh nghiệp và phát triển bền vững;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá về kết quả, hiệu quả triển khai Khung kiến trúc số định kỳ hàng năm để báo cáo, tham mưu UBND tỉnh về việc đề xuất thay đổi nội dung dự án đầu tư, lộ trình, mức độ ưu tiên… đảm bảo phù hợp với tình hình, nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.

**g) Các tổ chức đoàn thể, hiệp hội khác**

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành liên quan vận động, tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp dịch vụ phục vụ người dân của Chính quyền trên môi trường điện tử, cụ thể là việc tích cực thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử đã được các cơ quan nhà nước cung cấp dưới dạng DVCTT toàn trình hoặc một phần.

- Đóng vai trò là cầu nối giữa người dân và các cấp chính quyền, tạo điều kiện để người dân tham gia và đóng góp ý kiến vào các chương trình, dự án xây dựng Chính quyền số tỉnh Hưng Yên.